

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/DS-ST

Ngày: 23-4-2025

V/v: Tranh chấp di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thoan và bà Nguyễn Thị Hòe.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Hoàng Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 23/4/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024 về việc “*Yêu cầu chia di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2025/QĐXXST-DS ngày 02/4/2025, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Bá M, sinh năm 1953; địa chỉ: Số D H, tổ dân phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; địa chỉ: Số A T, tổ dân phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Có mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1956; địa chỉ: TT Xí nghiệp E, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin vắng mặt.

3.2. Bà Trần Thị Thu T1, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu B, D, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin vắng mặt.

3.3. Ông: Trần Nhật M1, sinh năm 1984; địa chỉ: E H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin vắng mặt.

3.4. Ông Nguyễn Minh T2, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin vắng mặt.

3.5. Ông: Nguyễn Minh T3, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin vắng mặt.

3.6. Ông: Nguyễn Xuân S, sinh năm: 1965; địa chỉ: Số D V, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin vắng mặt.

3.7. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1969; địa chỉ: Khu đô thị P, đường H, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin vắng mặt.

3.8. Ông: Nguyễn Quốc A, sinh năm 2002; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Hiện đang cư trú tại: E S, S, M, VIC Úc; có đơn xin vắng mặt.

3.9. Chị Nguyễn Ngọc Quỳnh T4, sinh năm 2008; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có đơn xin vắng mặt.

3.10. Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1973; địa chỉ: KTT E, T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin vắng mặt.

3.11. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu đô thị P, đường T, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Hiện đang cư trú tại: A New Brighton close S, C, A; có đơn xin vắng mặt.

3.12. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Bá M trình bày:*

- Về quan hệ huyết thống: Bố mẹ ông là ông Nguyễn Văn V (Sinh năm 1933, chết năm 1996) và bà Nguyễn Thị Y (Sinh năm 1932, chết năm 2015) sinh được được 10 người con gồm: 1. Ông Nguyễn Bá M, sinh năm 1953; 2. Bà Nguyễn Thị Minh K1, sinh năm 1956 (đã chết năm 2004). Bà K1 có chồng là ông Trần Xuân T6, sinh năm 1950 và hai con là Trần Thị Thu T1, sinh năm 1981 và Trần Nhật M1, sinh năm 1984; 3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956; 4 Ông Nguyễn Minh T7, sinh năm 1960 (đã chết năm 2015). Ông T7 có vợ là bà Đậu Thị C1, sinh năm 1961 và hai con là Nguyễn Minh T2, sinh năm 1989 và Nguyễn Minh T3, sinh năm 1989; 5. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; 6. Ông Nguyễn Xuân S, sinh năm 1965; 7. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969; 8. Ông Nguyễn Văn T8, sinh năm 1971 (đã chết năm 2013). Ông T8 có vợ là bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1975 và hai con là Nguyễn Quốc A, sinh năm 2002 và Nguyễn Ngọc Quỳnh T4, sinh năm 2008; 9. Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1973; 10. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1978.

- Về di sản thừa kế: Trong quá trình sinh sống bố, mẹ ông đã tạo lập được 03 thửa đất đều mang tên hộ bà Nguyễn Thị Y gồm:

+ Thửa đất số 157, tờ bản đồ số 66 (nay là Thửa đất số 133, tờ bản đồ số 53), diện tích 171,7m² (trong đó đất ở tại đô thị 30,0m², đất trồng cây lâu năm 141,7m²) tại Tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

+ Thửa đất số 158, tờ bản đồ số 66 (nay là Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 53), diện tích: 172,9m² (trong đó đất ở tại đô thị 30,0m², đất trồng cây lâu năm 142,9m²) tại: Tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

+ Thừa đất số 159, tờ bản đồ số 66 (nay là Thừa đất số 131, tờ bản đồ số 53), diện tích: 300,7m² (trong đó đất ở tại đô thị 80,0m², đất trồng cây lâu năm 220,7m²) tại Tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Gắn liền với thừa đất số 159 có ngôi nhà cấp 4, diện tích 80,0m² do vợ chồng ông Nguyễn Văn T8 và bà Nguyễn Thị C.

- Yêu cầu khởi kiện: Sau khi bố mẹ qua đời nhưng không để lại chị chúc, nên mọi người trong gia đình đã có sự trao đổi, thỏa thuận để phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng các thửa đất do bố mẹ để lại, nhưng bà Nguyễn Thị N chưa đồng ý. Do đó, ông khởi kiện để yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại cụ thể như sau: Thừa đất số 157 chia cho ông và bà Nguyễn Thị N; thửa đất số 158 chia cho bà Nguyễn Thị N; Thừa đất 159 phân chia cho vợ ông T8 là bà Nguyễn Thị C.

* *Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 10/10/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:* Về quan hệ huyết thống, di sản thừa kế, hàng thừa kế giống như bà N trình bày nên bà không có ý kiến gì thêm. Còn việc phân chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại thì bà cũng thống nhất như ý kiến của ông M.

* *Tại các bản trình bày ý kiến và quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều có ý kiến như sau:* Nhất trí với lời khai của bà N về quan hệ huyết thống, di sản thừa kế, hàng thừa kế như ông M trình bày. Đối với phần di sản thừa kế do các cụ để lại được phân chia theo quy định của pháp luật, thì tất cả đều từ chối nhận di sản là quyền sử dụng đất của cụ V, Y để lại và tặng cho toàn bộ phần thừa kế của mình được hưởng để phân chia thừa kế là quyền sử dụng đất tại các thửa đất như ông M đã yêu cầu. Do điều kiện đều ở xa, đi lại khó khăn, nên tất cả những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

- *Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 18/12/2024 cụ thể như sau:*

Di sản thừa kế để lại là quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 157, 158, 159, đều thuộc tờ bản đồ số 66 (Nay là tờ bản đồ số 53) tại phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đã được UBND thành phố Đ cấp GCNQSD mang tên hộ bà Nguyễn Thị Y. Trên thửa đất số 159 có 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích 91,8 m² do vợ chồng bà Nguyễn Thị C xây dựng từ năm 2000. Ngoài ra, bao quanh toàn bộ các thửa đất còn có hàng rào xây cao khoảng 1,8 m và một số cây trồng nằm rải rác trên đất. Đối với các tài sản hiện có trên các thửa đất, các đương sự đều thống nhất nếu ai được chia diện tích đất nào thì được hưởng toàn bộ tài sản hiện có trên diện tích đất đó, cho nên các đương sự không yêu cầu xem xét, định giá đối với tài sản trên đất.

Các thửa đất đều có giá trị về đất ở là 1.600.000 đồng/m²; đất trồng cây lâu năm có giá trị 39.000 đồng/m². Ngoài ra các đương sự đều nhất trí phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo hiện trạng sử dụng đất trên thực tế được thẩm định ngày 24/12/2024 để làm căn cứ giải quyết vụ án cụ thể như sau: Thừa đất số 133, tờ bản đồ số 53, có diện tích trên thực tế là 160,9 m² (tính từ các điểm 7-8-9-10-20 trên sơ đồ); Thừa đất số 132, tờ bản đồ số 53, có diện tích trên thực tế là 150,1 m² (tính từ các điểm

10-11-12-13-14-19-20 trên sơ đồ); Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 53, có diện tích trên thực tế 264,7 m² (tính từ các điểm 19-14-15-1-2 trên sơ đồ).

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:*

+ Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và các bên đương sự đều được đảm bảo, phù hợp với các quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật; ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo hiện trạng sử dụng trên thực tế; Buộc các đương sự phải chịu án phí, và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án được xác định có mối quan hệ về tranh chấp di sản thừa kế, nhưng trong vụ án này đương sự hiện đang sinh sống ở nước ngoài. Vì vậy, theo quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 39 và Điều 464 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt, cho nên Hội đồng xét xử căn cứ điều Điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phân chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại là quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật thấy rằng:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Văn V, chết năm 1996, cụ Nguyễn Thị Y, chết năm 2015 đều không để lại di chúc, cho nên ngày 11/7/2024 nguyên đơn ông M khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại là đang còn trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ Luật dân sự.

[2.2] Về hàng thừa kế, di sản thừa kế: Căn cứ các tài liệu chứng cứ về quan hệ nhân thân, quan hệ huyết thống có trong hồ sơ vụ án và lời khai thừa nhận của các đương sự đã có đủ cơ sở xác định: Cụ Nguyễn Văn V (sinh năm 1933, chết năm 1996) và cụ Nguyễn Thị Y (sinh năm 1932, chết năm 2014) có 10 người con chung, ngoài ra các cụ không có con riêng hoặc người con nuôi nào khác gồm: Con thứ 1 là Ông Nguyễn Bá M, sinh năm 1953; con thứ 2 là bà Nguyễn Thị Minh K1 (sinh năm 1956, chết năm 2004), hàng thừa kế kế vị của bà K1 là bà Trần Thị Thu T1, sinh năm 1981 và Trần Nhật M1, sinh năm 1984; con thứ 3 là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956; con thứ 4 là ông Nguyễn Minh T7 (sinh năm 1960, đã chết năm 2015), thừa kế kế vị của ông T7 là anh Nguyễn Minh T2, sinh năm 1989 và anh Nguyễn Minh T3, sinh năm 1989; con thứ 5 là bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; con thứ 6 là ông Nguyễn Xuân S, sinh năm 1965; con thứ 7

là bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969; con thứ 8 là ông Nguyễn Văn T8 (sinh năm 1971, chết năm 2013); hàng thừa kế kế vị của ông T8 là anh Nguyễn Quốc A, sinh năm 2002 và chị Nguyễn Ngọc Quỳnh T4, sinh năm 2008; con thứ 9 là ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1973 và con thứ 10 là ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1978.

[2.3] Về di sản thừa kế: Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, kết quả định giá, xem xét thẩm định tại chỗ và hiện trạng sử dụng đất trên thực tế, thì di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của cụ V- Yếu chưa chia gồm có:

- Thừa đất số 157, tờ bản đồ số 66 (nay là thửa số 133, tờ bản đồ số 53), diện tích $171,7m^2$ (trong đó có $30m^2$ đất ở; $141,7m^2$ đất trồng cây lâu năm) tại phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ số AD946065 vào ngày 11/5/2007 cho hộ bà Nguyễn Thị Y. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ hiện trạng sử dụng đất trên thực tế tại thửa đất số 133 chỉ còn lại $160,9m^2$; có tổng giá trị thành tiền theo kết luận định giá là 53.105.000 đồng (**Sau đây gọi tắt là thửa đất số 157**).

- Thừa đất số 158, tờ bản đồ số 66 (nay là thửa số 132, tờ bản đồ số 53) diện tích $172,9m^2$ (trong đó có $30m^2$ đất ở; $142,9m^2$ đất trồng cây lâu năm) tại phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ số AD946063 vào ngày 11/5/2007 cho hộ bà Nguyễn Thị Y. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ hiện trạng sử dụng đất trên thực tế tại thửa đất số 132 chỉ còn lại $150,1m^2$; có tổng giá trị thành tiền theo kết luận định giá là 52.683.000 đồng (**Sau đây gọi tắt là thửa đất số 158**).

- Thừa đất số 159, tờ bản đồ số 66 (nay là thửa số 131, tờ bản đồ số 53), diện tích $300,7m^2$ (trong đó có $80m^2$ đất ở; $220,7m^2$ đất trồng cây lâu năm) tại phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ số AD946062 vào ngày 11/5/2007 cho hộ bà Nguyễn Thị Y. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ hiện trạng sử dụng đất trên thực tế tại thửa đất số 131 chỉ còn lại $264,7m^2$, trên thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích $91,8m^2$ do vợ chồng ông Nguyễn Văn T8 và bà Nguyễn Thị C xây dựng từ năm 2000 có tổng giá trị thành tiền theo kết luận định giá là 135.203.000 đồng (**Sau đây gọi tắt là thửa đất số 159**).

[2.3] Về phân chia di sản thừa kế: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự trong vụ án đều tự nguyện, tự thỏa thuận và thống nhất phân chia di sản thừa kế thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ V-Yếu để lại cụ thể như sau:

Chia cho ông Nguyễn Bá M và bà Nguyễn Thị N được hưởng di sản thừa kế của bố mẹ để lại là toàn bộ thửa đất số 157 và các tài sản hiện có trên đất.

Chia cho bà Nguyễn Thị N được hưởng di sản thừa kế của bố mẹ để lại là toàn bộ thửa đất số 158 và các tài sản hiện có trên đất.

+ Chia cho bà Nguyễn Thị C là vợ ông Nguyễn Văn T8 được hưởng thừa kế toàn bộ thửa đất số 159 và các tài sản hiện có trên đất. Đối với tài sản là ngôi nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 159, tờ bản đồ số 66, diện tích xây dựng $80m^2$ các đương sự đều đề nghị không chia vì đây là tài sản của vợ chồng bà Nguyễn Thị C.

Xét thấy việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại theo quy định của pháp luật giữa các đương sự là tự nguyện, không bị đe dọa hoặc ép buộc, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chi phí tố tụng cho việc giải quyết vụ án hết 7.200.000 đồng, do nguyên đơn ông M tạm nộp. Tại phiên toà, ông M tự nguyện chịu nộp toàn bộ chi phí này, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét gì thêm.

[4] Về án phí:

- Ông Nguyễn Bá M và bà Nguyễn Thị N đều là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số: 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Bà Nguyễn Thị C phải chịu 6.760.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản được chia tại thửa đất số 159.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 39, khoản 1 Điều 92, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự; các Điều 613, 614, 623, 650, 651, 652, 660 Bộ Luật dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Bá M về phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất. *(Kèm theo bản án là sơ đồ phân chia các thửa đất là một phần không thể tách rời của bản án)*

1.1. Chia cho ông Nguyễn Bá M và bà Nguyễn Thị N được hưởng thừa kế thửa đất số 157 và tài sản khác trên thửa đất, tờ bản đồ số 66 (nay là thửa số 133, tờ bản đồ số 53), diện tích 171,7m² *(trong đó có 30m² đất ở; 141,7m² đất trồng cây lâu năm)* tại phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ số AD946065 vào ngày 11/5/2007 cho hộ bà Nguyễn Thị Y. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, hiện trạng sử dụng đất trên thực tế tại thửa đất còn lại 160,9m² *(trong đó có 30m² đất ở; 130,9m² đất trồng cây lâu năm)*; có giá trị 53.105.000 đồng (Thửa đất được ký hiệu **S1**, tính từ điểm 7-8-9-10-20 trên sơ đồ).

1.2. Chia cho bà Nguyễn Thị N được hưởng thừa kế thửa đất số 158 và tài sản khác trên thửa đất, tờ bản đồ số 66 (nay là thửa số 132, tờ bản đồ số 53) diện tích 172,9m² *(trong đó có 30m² đất ở; 142,9m² đất trồng cây lâu năm)* tại phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ số AD946063 vào ngày 11/5/2007 cho hộ bà Nguyễn Thị Y. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, hiện trạng sử dụng đất trên thực tế tại thửa đất còn lại 150,1m² *(trong đó có 30m² đất ở; 120,1m² đất trồng cây lâu năm)* ; có giá trị 52.683.000 đồng (Thửa đất có ký hiệu **S2**, tính từ các điểm 10-11-12-13-14-19-20 trên sơ đồ)

1.3. Chia cho bà Nguyễn Thị C được hưởng thừa kế thừa đất số 159 và tài sản khác trên thửa đất, tờ bản đồ số 66 (nay là thửa số 131, tờ bản đồ số 53), diện tích 300,7m² (trong đó có 80m² đất ở; 220,7m² đất trồng cây lâu năm) tại phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ số AD946062 vào ngày 11/5/2007 cho hộ bà Nguyễn Thị Y. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, hiện trạng sử dụng đất trên thực tế tại thửa còn lại 264,7m² (trong đó có 80m² đất ở; 184,7m² đất trồng cây lâu năm); có giá trị 135.203.000 đồng (Thửa đất có ký hiệu S3, tính từ các điểm 19-14-15-1-2 trên sơ đồ)

1.4. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để làm thủ tục điều chỉnh, biến động về thông tin các thửa đất đã được phân chia.

2. Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Bá M và bà Nguyễn Thị N.

- Bà Nguyễn Thị C phải chịu số tiền 6.760.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự đang ở trong nước những có đơn xin vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật; riêng đương sự đang ở nước ngoài có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Trung Thành